

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 4 năm 2019

V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

\* **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Nguyễn Ánh Dương

\* **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu - Cán bộ nghỉ hưu tại xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên.

2. Ông Nguyễn Lâm Giang - Cán bộ nghỉ hưu tại thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên.

\* **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

\* **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2019 (Án định thời gian mở lại phiên tòa) giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: thôn H, xã N, huyện T, tỉnh B.

Cư trú: xóm V, xã D, huyện H, tỉnh B.

\* Bị đơn: Anh Nguyễn Thế T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cư trú: thôn H, xã N, huyện T, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 29/01/2019 của nguyên đơn là chị Lê Thị H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thế T kết hôn ngày 17/11/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh B. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới thì vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh Thêm. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 5/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng chị mâu thuẫn về kinh tế, anh Thêm không tin tưởng chị về tình cảm, cho rằng chị có quan hệ trai gái, vợ chồng hay đánh cãi chửi nhau và đã ly thân từ tháng 02/2017 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thế T.

Về con chung: chị và anh T có 03 con chung là Nguyễn Thế H, sinh ngày 02/11/2010, Nguyễn Thế L, sinh ngày 02/12/2012 và Nguyễn Thế Đ, sinh ngày 06/7/2016. Hiện nay cháu H và cháu L đang ở với anh T, cháu Đ đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Thế Đ, sinh ngày 06/7/2016 và để anh T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thế H, sinh ngày 02/11/2010, Nguyễn Thế L, sinh ngày 02/12/2012. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Hương có mặt và giữ nguyên yêu cầu về xin ly hôn anh Thêm, về con chung, về tài sản chung, công nợ và án phí. Các đương sự không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Tòa án và cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

\* Tại biên bản xác minh ngày 20/02/2019 đối với ông Đoàn Thế H - là Phó trưởng Công an xã N và bà Nguyễn Thị K - là trưởng thôn H cho biết: Hiện nay anh Nguyễn Thế T là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Anh T đi làm ăn xa, vẫn về nhà và vẫn liên lạc với gia đình. Vợ chồng chị H, anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không tin tưởng nhau trong tình cảm dẫn đến cãi vã, chửi mắng nhau. Khoảng đầu năm 2018 chị H chuyển về nhà bố mẹ để sống, hàng tháng vẫn về thăm 02 con lớn.

\* Tại các biên bản xác minh ngày 20/02/2019, ngày 20/3/2019 đối với ông Nguyễn Thế C - là bố đẻ anh T cho biết: Hiện nay anh Nguyễn Thế T là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã N, huyện T, tỉnh B. Vợ chồng chị H, anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không tin tưởng nhau trong tình cảm dẫn đến cãi vã, chửi mắng nhau. Chị H bỏ về nhà bố mẹ để sống từ tháng 05/2018 đến nay. Nếu chị H ly hôn anh T thì ông C nhất trí vì ông C thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T không thể hàn gắn được. Sau khi ông giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án với anh T thì anh T có ý kiến, do bận nên không thể đến Tòa án làm việc và đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

\* Tòa án nhân dân huyện T đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Nguyễn Thế T gồm:

Ngày 20/02/2019 tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 40/TB-TLVA ngày 19/02/2019 cho anh T do bố đẻ là ông Nguyễn Thế C nhận thay.

Ngày 27/02/2019 tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 11/QĐ- CCTLCC ngày 27/02/2019 của TAND huyện Tân Yên cho anh T.

Ngày 06/3/2019 tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 40/TB-TA ngày 06/3/2019 cho anh T.

Ngày 15/3/2019 tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 40/TB-TA ngày 14/3/2019 và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ số 40/TB-TA ngày 14/3/2019 cho anh T.

Ngày 20/3/2019 tổng đạt hợp lệ Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ số 40/TB-TA ngày 19/3/2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/3/2019 và giấy triệu tập phiên tòa cho anh T.

Ngày 03/4/2019 tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2019 cho anh T.

Anh Nguyễn Thế T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không có mặt để làm việc với Tòa án về những vấn đề liên quan vụ án mà anh Thêm là bị đơn.

Toà án đã mở phiên hoà giải nhiều lần để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí nhưng anh Nguyễn Thế T không có mặt để tham gia hoà giải.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến về việc giải quyết vụ án, không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Toà án và cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật, anh Thêm không có mặt và chấp hành chưa nghiêm túc pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 01, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 144; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thế T.
- Về con chung: giao cho chị Hương tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Thế Đ, sinh ngày 06/7/2016. Giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thế H, sinh ngày 02/11/2010, Nguyễn Thế L, sinh ngày 02/12/2012. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với anh Nguyễn Thế T nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Tòa án đã ra quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng ngoài những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì phía bị đơn là anh Nguyễn Thế T không nộp bản tự khai về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung, công nợ, không đến làm việc theo giấy triệu tập, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác nên phải chịu hậu quả pháp lý.

[2] Về quan hệ hôn nhân: giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Thế T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh B, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong quản lý kinh tế gia đình, nghi ngờ nhau trong tình cảm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng anh chị không quan tâm đến nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa chị H, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thế T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị H, anh T có 03 con chung là Nguyễn Thế H, sinh ngày 02/11/2010, Nguyễn Thế L, sinh ngày 02/12/2012 và Nguyễn Thế Đ, sinh ngày 06/7/2016. Khi giải quyết vụ án về ly hôn này cần xem xét đến quyền lợi của các bên đương sự nhất là quyền lợi mọi mặt của trẻ em và việc giải quyết về nuôi dưỡng con chung trong vụ án này cần phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu H, L, Đ ổn định, phát triển. Hiện nay cháu H và cháu L đang ở ổn định và do anh T nuôi dưỡng, phát triển bình thường, cháu Đ đang ở

ổn định và do chị H nuôi dưỡng, phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị H xin được tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Thế Đ và để anh T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thế H, Nguyễn Thế L. Con chung là Nguyễn Thế H có nguyện vọng được ở với bố. Cháu Đ dưới 36 tháng tuổi, không thể thiếu sự chăm sóc của người mẹ nên căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị H và giao cháu Nguyễn Thế Đ cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Thế H và cháu Nguyễn Thế L cho anh Nguyễn Thế T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và đảm bảo sự ổn định, phát triển về mọi mặt của cháu H, cháu L, cháu Đ.

Chị Lê Thị H, anh Nguyễn Thế T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị H, anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: do chị H, anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: chị Lê Thị H và anh Nguyễn Thế T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Điều 51; Điều 56; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; khoản 1, khoản 2 Điều 83 - Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1, Điều 28; khoản 4, Điều 147; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thế T.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thế Đ, sinh ngày 06/7/2016 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Nguyễn Thế H, sinh ngày 02/11/2010 và cháu Nguyễn Thế L, sinh ngày 02/12/2012 cho anh Nguyễn Thế T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị H, anh Nguyễn Thế T được quyền thăm nom con. Chị H, anh T và các thành viên gia đình không ai được cản trở chị H, anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: do chị H, anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: chị Lê Thị H và anh Nguyễn Thế T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết

4. Án phí: chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0002353 ngày 19/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B; chị Lê Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS T;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Ánh Dương**